PHÂN TÍCH VỀ ĐÁNH THUẾ TÀI NGUYÊN THIÊN NHIÊN

GV. ĐÀO VĂN KHIÊM
ThS. BÙI THỊ THU HÒA

Tóm tắt: *Đánh thuế Tài nguyên Thiên nhiên, cũng như các loại đánh thuế khác, là một biện pháp can thiệp kinh tế của chính phủ nhằm tăng doanh thu cho Nhà nước và cải thiện công bằng xã hội. Đó là một biện pháp đặc biệt có nhiều ý nghĩa trong điều kiện kinh tế hiện nay của nước ta _ một quốc gia có một nền kinh tế đang phát triển gặp nhiều thách thức nhưng cũng có nhiều cơ hội. Các tác giả đã phân tích khái niệm tô kinh tế trong sử dụng tài nguyên thiên nhiên và trên cơ sở đó phân tích lợi thế của đánh thuế tài nguyên thiên nhiên để đáp ứng những mục đích nói trên, cũng như phân tích hoạt động của hệ thống thuế hiện nay chưa đáp ứng được các tiêu chuẩn hợp lý riêng cho các ngành công nghiệp sử dụng tài nguyên thiên nhiên. Trên cơ sở đó, nội dung bài báo đề xuất những hàm ý cần thiết nhằm thiết kế và cải thiện hệ thống thuế đánh vào tô kinh tế trong việc sử dụng tài nguyên thiên nhiên nhằm bảo đảm hiệu quả phân bổ tài nguyên thiên nhiên và cải thiện các mục tiêu công bằng xã hội.*

Mô hình kinh tế tài nguyên thiên nhiên

Tài nguyên thiên nhiên là một nhân tố sản xuất cơ bản bên cạnh các nhân tố sản xuất cơ bản khác như vốn, lao động, và tiến bộ khoa học kỹ thuật. Một trong những đặc tính của nhiều nguồn tài nguyên thiên nhiên là khối lượng cung cấp hầu như là cố định. Do vậy, khi cầu của thị trường tăng lên, cân bằng thị trường sẽ tạo ra một thặng dư kinh tế ròng mà các nhà kinh tế thường gọi là **tô kinh tế** (economic rent) như được mô tả bởi hình vẽ sau đây:

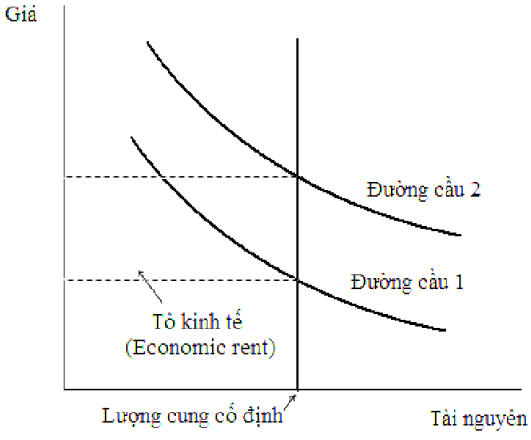

Hình vẽ: Cân bằng của thị trường tài nguyên thiên nhiên và khái niệm tô kinh tế.

Lý do và mục đích đánh thuế tài nguyên thiên nhiên

Thuế tài nguyên là một phần của hệ thống thuế tổng thể, là cái tác động đến thu nhập của các doanh nghiệp. Hệ thống thuế này thường bao gồm thuế thu nhập trực tiếp của một tài nguyên nói chung, các kiểu thuế gián tiếp khác nhau bao gồm các loại thuế bán hàng và thuế tiêu thụ (excise tax) cũng như thuế xuất, nhập khẩu, và thuế đặc biệt, là loại thuế được thiết kế riêng cho các ngành công nghiệp tài nguyên.

Thuế thu nhập được sử dụng để đánh thuế vào thu nhập vốn và thu nhập cá nhân của các cư dân tại quốc gia đánh thuế, và nơi nào có thể, vào các khoản thu nhập của các công dân sống ở nước ngoài (non-residents). Nếu được thiết kế đúng, thuế thu nhập sẽ đánh thuế tất cả các thu nhập vốn trên cơ sở đồng nhất, bao gồm cả giao hoàn bình thường cho vốn và bất kỳ loại tô kinh tế nào. Tuy nhiên, trong đa số các quốc gia, hệ thống thuế thu nhập vốn đối xử khá ưu ái với các ngành công nghiệp tài nguyên so với các ngành công nghiệp khác. Điều này xảy ra chủ yếu là vì cách đối xử ưu đãi cho các chi tiêu vốn khác nhau, như khai thác và phát triển, chi phí của việc chiếm hữu các thuộc tính tài nguyên và cạn kiệt. *Hậu quả là thu nhập vốn cổ đông trong các*

ngành công nghiệp tài nguyên thường bị đánh thuế thấp hơn một cách tương đối so với các ngành công nghiệp khác.

Đối với trường hợp các loại thuế tài nguyên đặc biệt, chính xác là cần phải đánh thuế tô kinh tế (rent) toàn bộ và cao hơn các mức được ẩn ý trong các loại thuế thu nhập chung. Có hai lý do biện minh cho điều này. Một lý do là *lý lẽ dựa-vào-hiệu quả* cho rằng tô kinh tế của tài nguyên là không-bị bóp méo. Một lý do khác là quyền sở hữu các tài nguyên phải được chuyển một cách trọn vẹn về khu vực công cộng chứ không phải về các công dân tư nhân, vì chúng thể hiện cho các món quà mà tự nhiên ban tặng cho nền kinh tế chứ không phải là một phần thưởng cho nỗ lực kinh tế của ai đó. Điều này có thể được nhìn nhận như một *lý lẽ về công bằng*.

Khi đã thấy ***mục đích chính của đánh thuế tài nguyên là thu hồi tô kinh tế*,** dạng đánh thuế thích hợp là dạng có cơ sở tính thuế là tô kinh tế. Các loại thuế tài nguyên trên thực tế dường như là khác biệt với các loại thuế tô kinh tế một cách đáng kể. Không giống như thuế thu nhập chung, là loại thuế có chứa những điều khoản cho phép các ngành công nghiệp tài nguyên khai báo thấp thu nhập vốn, các loại thuế tài nguyên thường khai báo cao tô kinh tế. Điều này là do các điều khoản này thường không khấu trừ đầy đủ cho tất cả các chi phí, đặc biệt là chi phí vốn. Một số hệ thống đánh thuế doanh thu mà không khấu trừ bất kỳ chi phí nào; các hệ thống khác lại cho phép các chi phí hiện hành được khấu trừ. Hậu quả là, các loại thuế đó không khuyến khích hoạt động đầu tư vào các ngành công nghiệp tài nguyên, khuyến khích khai thác các bộ phận tài nguyên có lợi nhuận cao với cái giá phải trả là các bộ phận tài nguyên có lợi nhuận thấp và khó đặt ra các tỷ suất thuế cao vì sợ làm cho tỷ suất thuế cận biên lớn hơn một trăm phần trăm.

Các phương pháp thu hồi tô kinh tế

Tồn tại ba cách 'lý tưởng' để chính phủ thu hồi một phần của tô kinh tế cho khu vực công cộng. Cách thứ nhất là đánh một khoản thuế vào tô kinh tế. Thuế tô kinh tế lý tưởng là loại thuế đánh vào các luồng tiền thực của các công ty tài nguyên. Đối với các công ty tài nguyên không-hồi sinh, cơ sở tính thuế sẽ bao gồm tất cả các doanh thu trên cơ sở tiền mặt trừ đi tất cả chi phí hiện thời và chi phí vốn bao gồm chi phí chiếm hữu các thuộc tính tài nguyên, chi tiêu khai thác, chi tiêu phát triển và bất kỳ chi tiêu chế biến nào mà công ty tài nguyên phải gánh chịu. Đối với các công ty tài nguyên có thể hồi sinh, các chi phí tương tự sẽ được khấu trừ bao gồm chi phí quyền sở hữu, chi phí thu hoạch, bất kỳ chi phí hồi sinh nào, như tái quy hoạch hoặc mua thêm, cũng như bất kỳ chi phí chế biến nào mà công ty phải gánh chịu. Sẽ không có khấu trừ nào cho các loại thuế phải trả khác. Tất nhiên, hạch toán các luồng tiền tệ cần phải được thực hiện từ một quan điểm xã hội do vậy bất kỳ chi phí ngoại lai nào cần phải được đưa vào như là chi phí trên cơ sở tiền tệ. Cũng có thể cần thiết phải yêu cầu công ty tính tới chi phí ngoại lai gắn với việc đóng cửa công ty, mặc dù điều đó có thể được thực hiện bằng cách bắt các công ty phát hành phiếu nợ và/hoặc thông qua các dạng điều chỉnh khác. Cả các liên hợp lẫn các công ty không liên hợp cần phải là đối tượng của thuế.

Cách thứ hai mà chính phủ có thể chia sẻ tô kinh tế là yêu cầu các công ty đấu thầu để dành quyền khai thác tài nguyên. Trong trường hợp các tài nguyên không-hồi sinh, đấu thầu sẽ được tiến hành trước giai đoạn khai thác. Đối với các tài nguyên có thể hồi sinh, đấu thầu sẽ được tiến hành cho một dự trữ tài nguyên đã biết. Khi mà hệ thống thầu là cạnh tranh và tất cả các nhà thầu có được thông tin như nhau, giá trị của giá bỏ thầu sẽ bằng với tô kinh tế ròng tương lai dự kiến (ròng của thuế dự kiến tương lai) được hiệu chỉnh theo một hệ số rủi ro. Để cho một hệ thống như vậy hoạt động, các quyền sở hữu có được phải là vĩnh cửu. Nếu không, sẽ có một động cơ để người vận hành bòn rút tài nguyên một cách không hiệu quả.

Thậm chí với đấu thầu hoạt động-tốt, các hậu quả có thể sẽ khác biệt với các hậu quả của thuế tô kinh tế. Một mặt, đấu thầu sẽ tạo ra 100% giá trị tô kinh tế dự kiến cho người bỏ thầu, trong khi tỷ suất thuế có thể nhỏ hơn giá trị đó. Trong đấu thầu, các hậu quả luồng tiền tệ cũng khác biệt nhiều. Các khoản tô kinh tế ròng phải hoàn toàn được thanh toán trước, trong khi đối với thuế, chúng được thanh toán dàn trải trong tương

lai. Nếu có bất kỳ ràng buộc thị trường vốn nào, điều này sẽ được phản ánh trong độ lớn của giá thầu. Cũng vậy, các tác động rủi ro có thể cũng là khác nhau. Trong hệ thống đấu thầu, công ty bị bắt buộc gánh chịu rủi ro kèm theo khai thác tài nguyên, trong khi với thuế luồng tiền tệ, khu vực công cộng sẽ chia sẻ một phần rủi ro. Một nguyên nhân quan trọng tại sao khu vực công cộng có thể là tốt hơn khi xử lý rủi ro là vì một số rủi ro mà người vận hành phải đối mặt là rủi ro của các mức thuế cao hơn trong tương lai. Tính không phù hợp về thời gian, là cái làm phát sinh rủi ro này sẽ là nghiêm trọng hơn trong bất kỳ hệ thống nào. Bởi vậy, trong khi rủi ro làm cho sử dụng hệ thống đấu thầu trở nên thích hợp hơn, rủi ro cũng làm giảm mức giá mà những người bỏ thầu sẽ muốn trả cho thuê mướn dài hạn.

Cuối cùng, khu vực công cộng có thể thu hồi được một phần tô kinh tế bằng cách đảm nhiệm một phần vốn cổ đông của công ty. Một biện pháp là chính phủ đóng góp một phần chi phí và đòi hỏi một phần tương đương của vốn cổ phần. Điều này về mặt tài chính sẽ tương đương với thuế luồng tiền tệ, mặc dù có thể khó áp dụng hơn. Khu vực công cộng sẽ phải nhận biết cả các chi phí bằng tiền lẫn doanh thu trong vận hành thích hợp của công ty. Mặt khác, không giống với thuế luồng tiền tệ, điều này mang lại cho khu vực công cộng một tiếng nói trong các trách nhiệm làm quyết định đi kèm với quyền sở hữu vốn cổ phần. Cũng vậy, chính phủ sẽ có thông tin riêng mà nếu không, chính phủ sẽ không thể có được. Với cách đánh thuế luồng tiền tệ, ngược lại, chính phủ chỉ là một đối tác không có tiếng nói.

Phân tích một số vấn đề chính sách

Phân tích các vấn đề chính sách nói chung và việc sử dụng thuế tô kinh tế tài nguyên để tăng thu nhập cho ngân sách nhà nước mà không làm ảnh hưởng đến hiệu quả phân bổ kinh tế nói chung cũng như phát triển kinh tế tài nguyên thiên nhiên nói riêng là một ***lĩnh vực phức tạp và rộng lớn nhưng đầy hứa hẹn***. Vì khuôn khổ bài viết là có hạn, chúng tôi chỉ xin được đưa ra một số ý kiến tóm tắt nhất để biện hộ cho những ưu điểm của biện pháp đánh thuế tài nguyên so với các biện pháp thu hồi tô kinh tế thông thường khác của chính phủ.

Các chính sách huy động doanh thu hay được sử dụng trong thực tế nói chung là khác với các chính sách được phác thảo ở trên. Điều này hàm ý rằng chúng không phải là các công cụ thu thập tô kinh tế thuần túy, và do vậy chúng có tác động xấu là bóp méo các quyết định phân bổ tài nguyên. Trong trường hợp thuế, thuế tô kinh tế được sử dụng trong các ngành công nghiệp tài nguyên chỉ là ngoại lệ chứ không phải là quy tắc. Chúng ta sẽ xem xét các loại thuế hay được sử dụng nhất.

Có lẽ dạng thu tiền tài nguyên chung nhất là một loại thuế dựa vào khối lượng khai thác được, hoặc được gọi là một loại tiền thuê mỏ (royality) hoặc thuế khai mỏ (severance taxes) đánh vào các tài nguyên không hồi sinh hoặc phí tính theo vòng tuổi của cây cho tài nguyên rừng. Khó có thể hiểu được sự hấp dẫn của kiểu thu tiền này ngoài tính đơn giản của nó. Đôi khi những loại thuế này ít được nhìn nhận như một dạng của thuế mà chỉ là như một loại phí được đánh bởi khu vực công cộng vì đã dịch chuyển các nguồn tài nguyên khỏi khu vực công cộng. Tuy nhiên, từ quan điểm kinh tế, chúng là tương đương với thuế sản xuất. Trong dạng đơn giản, chúng đánh vào doanh thu mà không hạch toán tới chi phí. Theo nghĩa hẹp, những loại thuế này hành động như một kiểu *không khuyến khích đầu tư và khai thác tài nguyên và tạo ra ít doanh thu cho khu vực công cộng hơn so với có thể đạt được bằng thuế tô kinh tế*. Hơn nữa, vì không hạch toán tới chi phí, chúng phân biệt đối xử chống lại các nguồn doanh thu có chi phí-cao và có lợi cho các doanh thu có chi phí-thấp. Tác động này của hệ thống tiền thuê mỏ thô nói chung được biết như hiện tượng chỉ khai thác bộ phận tài nguyên có nhiều thuận lợi và bỏ qua các tài nguyên khó khai thác.

Tác động của các loại thuế sản xuất có thể khác nhau tuỳ thuộc vào việc liệu tỷ suất thuế được dựa trên khối lượng được sản xuất ra (thuế cho một đơn vị) hay dựa vào giá bán (*ad valorem _ thuế theo giá hàng*). Về nguyên tắc, tỷ suất *ad valorem* luôn có thể được chọn sao cho nó tương đương với tỷ suất cho một đơn vị đã cho. Khi giá cả thay đổi, *ad valorem* và thuế cho

một đơn vị sản lượng sẽ có các tác động khác nhau. Vì các loại thuế *ad valorem* tăng theo giá (và ngược lại), điều này hàm ý loại thuế *ad valorem* có một tác động chia-sẻ-rủi ro nào đó, là cái mà thuế đơn vị không có, và trong các giai đoạn tăng thuế tài nguyên, loại thuế này sẽ không khuyến khích đầu tư thêm. Các tác động tương tự xảy ra khi chất lượng của tài nguyên thay đổi bên trong vỉa tài nguyên đã cho.

Càng ngày, các sơ đồ tiền thuê tài nguyên càng được thiết kế một cách phức tạp hơn so với thuế sản xuất đơn giản. Một số hệ thống tiền thuê tài nguyên đã được định nghĩa là doanh thu ròng của một thước đo chi phí thường xuyên nào đó. Điều này một phần đi theo hướng làm cho tiền thuê tài nguyên phản ánh tô kinh tế. Một phương pháp khác là làm cho tỷ lệ tiền thuê tài nguyên tự thân là một thang đối chiếu hoặc dựa trên giá tài nguyên (*excess price tax _ thuế giá phụ trội*) hoặc trên chất lượng của tài nguyên. Đôi khi những loại này được xem như là *thuế bạo lợi* (windfall tax _ thuế đánh vào số tiền lớn kiếm được), phản ánh sự kiện là mục đích đã được xem như một cách pha trộn tô kinh tế tài nguyên được tạo ra bởi tăng giá. Một lần nữa, đây là một cách không hoàn hảo cho đánh thuế tô kinh tế tài nguyên nói chung, mặc dù nó có thể thành công trong việc thu hồi được những thay đổi trong tô kinh tế từ các công ty tài nguyên hiện thời, những người được hưởng lợi từ gia tăng đột biến trong giá. Tuy nhiên, điều này được thực hiện với cái giá phải trả là không khuyến khích các đầu tư gia tăng.

Các thuộc tính tài nguyên cũng thường là đối tượng của các loại thuế thu nhập chung. Tuy nhiên, trong một số ví dụ, các loại thuế đặc biệt cho các ngành công nghiệp tài nguyên cũng được dựa trên một thước đo nào đó của thu nhập. Trong những trường hợp như thế, thuế thường được thiết kế theo các cách tương tự với thuế thu nhập chung và tạo nên cùng một số độ trệch giống hệt như vậy. Tức là, nó cho phép nhanh chóng xóa bỏ chi phí chiếm hữu, khai thác và phát triển, và thường đưa ra những miễn giảm cạn kiệt. Mặc dù điều này tạo ra một số doanh thu, nó cũng cung cấp trợ cấp cho các dự án kém hiệu quả. Tức là, tỷ suất thuế trung bình là dương trong khi tỷ suất thuế cận biên là âm. Hơn nữa, tỷ lệ giao hoàn cho vốn cổ đông có xu hướng trở thành cực kỳ cao, do vậy chúng không là những công cụ thu thập thuế hiệu quả cho các khoản lợi nhuận hoặc tô kinh tế phụ trội.

Một số chế độ thuế đặt ra loại phí hoặc tiền thuê hàng năm cho việc sử dụng các thuộc tính tài nguyên. Nếu các tỷ suất này phản ánh được giá trị vốn thực của các thuộc tính được sử dụng, chúng sẽ giống như thuế tô kinh tế. Tuy nhiên, một cách điển hình, chúng được đặt một cách tùy tiện và ít hay nhiều có tính danh nghĩa. Sẽ khó quản lý hành chính một loại thuế dựa vào giá trị kinh tế thực của thuộc tính tài nguyên đang xét như vậy, vì các giá trị thị trường không tồn tại. Bởi vậy, một sự tùy tiện trong quản trị hành chính nào đó cần phải có. Nếu một loại thuế tiền thuê hàng năm cần phải được đưa ra, thì sử dụng một loại thuế tô kinh tế đúng đắn sẽ đáng được ưa thích hơn.

Trong các quốc gia xuất khẩu sản phẩm sơ cấp, thuế xuất khẩu là một nguồn doanh thu chính của chính phủ. Nếu quốc gia này là người chấp nhận giá trên các thị trường quốc tế, một loại thuế xuất khẩu chính xác có cùng tác động như một loại thuế sản xuất từ quan điểm của nhà sản xuất. Do vậy, từ quan điểm này, thuế xuất khẩu chia sẻ cùng những khó khăn như thuế sản xuất trong việc thu hồi tô kinh tế cho chính phủ. Tuy nhiên, những người tiêu dùng thanh toán một mức giá thấp hơn trong thuế xuất khẩu. Mặc dù có thể có một số nguyên nhân phân phối để ưa thích một loại thuế xuất khẩu, đa số các quốc gia đã phát hiện ra rằng thuế xuất khẩu đánh vào các sản phẩm tài nguyên (ví dụ, cao su ở Malaysia) là lũy giảm. Thuế đánh vào xuất khẩu để thúc đẩy các ngành công nghiệp chế biến xuôi dòng (downstream) địa phương cũng có thể là cách rất tốn kém lãng phí tô kinh tế tài nguyên. Thậm chí trong các trường hợp khi mà quốc gia xuất khẩu-tài nguyên có thể có một lợi thế so sánh dài hạn trong việc tiếp tục chế biến, sử dụng thuế xuất khẩu để tăng tốc quá trình có thể là rất tốn kém.

Các hệ thống đấu thầu có xu hướng không được sử dụng nhiều, đặc biệt trong các quốc gia đang phát triển. Một nguyên nhân có thể là các điều kiện tự bản thân không dẫn tới các thủ tục

đấu thầu cạnh tranh. Nhiều dự án tài nguyên là lớn và không thể bao gồm nhiều hơn một nhà đầu tư tại cùng một thời điểm. Vì lý do gì đi chăng nữa, các nhà buôn cá nhân chú ý gây ấn tượng với các nhà sản xuất tài nguyên liên quan tới các kiểu tham gia công cộng khác nhau.

Dạng đơn giản nhất của chia sẻ sản lượng (production sharing) là dạng trong đó chính phủ lấy một phần sản phẩm. Nó tương tự như cấy rẽ trong nông nghiệp, và giống hệt như thuế sản xuất *ad valorem* tại cùng một tỷ suất. Nó khác với thuế đánh vào tô kinh tế thuần túy vì không có chi phí nào được khấu trừ. Vì nó là *ad valorem*, một mức độ chia sẻ-rủi ro nào đó là tiềm ẩn trong sơ đồ này.

Vì các sơ đồ chia sẻ sản lượng là đối tượng của thương lượng, tỷ phần của phần chia có thể thay đổi từ dự án này tới dự án khác. Theo cách này, một tài khoản nào đó cần phải được lấy từ các tô kinh tế tiềm năng khác nhau. Tuy nhiên, khi mà chi phí không được khấu trừ một cách tường minh, những sơ đồ như vậy sẽ không phản ánh tô kinh tế thuần túy.

Một số sơ đồ một phần tính tới chi phí bằng cách làm cho chia sẻ sản lượng chỉ được thực hiện chỉ sau một mức bảo đảm doanh thu tối thiểu nào đó. Cũng giống như cho phép công ty được thu hồi một phần chi phí ban đầu nào đó trước khi chia sẻ sản lượng, điều này cung cấp một biện pháp bổ sung để chia sẻ rủi ro. Thậm chí nếu mức tối thiểu được đặt sao cho thu hồi được tổng chi phí, vẫn còn một cản trở khuyến khích cận biên, một khi chia sẻ sản lượng bắt đầu được áp dụng.

Các chính phủ cũng có thể thương lượng để nắm giữ vốn cổ phần trong các công ty tài nguyên. Tại một cực đoan, chính phủ có thể mua các cổ phần của một công ty tài nguyên trên thị trường mở. Tuy nhiên, vì giá trị thị trường của công ty cần phải vốn hóa tất cả tô kinh tế ròng tương lai dự kiến của công ty, *điều này sẽ không được dự kiến để tạo ra bất kỳ doanh thu ròng nào cho chính phủ*.

Ở một cực đoan khác, chính phủ đơn giản có thể lấy "vốn cổ phần tự do" trong công ty, và bằng cách đó cho phép bản thân mình chia sẻ lãi cổ phần tương lai của công ty. Điều này sẽ khác với chế độ thuế tô kinh tế bởi sự kiện không có khấu trừ ẩn đối với vốn cổ phần ban đầu được đặt ra bởi công ty. Điều này có thể xấp xỉ chi phí vốn ban đầu được công ty gánh chịu. Sau đó nó sẽ tương tự với hệ thống tiền thuê tài nguyên với chi phí thường xuyên được khấu trừ.

Thay vì lấy vốn cổ phần tự do, chính phủ có thể trả một giá nào đó cho nó. Để có được một phần tô kinh tế nào đó, giá cần phải nhỏ hơn giá thị trường của cổ phần được lấy. Các sơ đồ chia sẻ vốn cổ phần dạng này sẽ là tương đương với các loại thuế tô kinh tế nếu thanh toán được thực hiện bởi chính phủ bằng với giá trị hiện thời cho phần tương đương của chi phí tiền mặt của dự án. Nếu thanh toán này được thực hiện trước, nó sẽ có tác động tài chính giống hệt như thuế luồng tiền. Chỉ có khác biệt thực là chính phủ có được quyền bỏ phiếu. Nếu thanh toán được trải rộng vào tương lai (ví dụ, được lấy từ tiền lãi cổ phần), nó cần được đưa vào tương lai với lãi suất. Trong một trường hợp, chính phủ sẽ chỉ có được phần chia của tô kinh tế chứ không phải toàn bộ lượng tiền.

Có một số lượng lớn các vấn đề thiết kế khác liên quan tới đánh thuế tài nguyên có thể làm cho chúng khác với các loại thuế tô kinh tế lý tưởng. Các sắp đặt với khu vực tư nhân cho việc chia sẻ tô kinh tế đôi khi được chỉ ra chỉ trong một giai đoạn thời gian hạn chế. Điều này có thể là do thiết kế có chủ ý, hoặc có thể là vì sự bất lực của các cấp chính quyền trong việc cam kết các chính sách cố định trong dài-hạn. Trong bất kỳ trường hợp nào, kết quả là mất hiệu quả khó có thể tránh được.

Nhiều quản lý vận hành tài nguyên không-hồi sinh đối mặt với các chi phí đóng-cửa như chi phí làm-sạch để phòng tránh các thiệt hại môi trường. Đơn giản yêu cầu các công ty đáp ứng những chi phí như vậy có thể là không bắt buộc vì các công ty có khả năng tránh những điều đó chỉ bằng cách rời bỏ địa điểm. Làm-sạch có thể được cưỡng chế bằng cách yêu cầu công ty phát hành trái phiếu cho chi phí làm-sạch, hoặc, một cách tương đương, bằng cách đặt ra một loại thế lợi tức về quản lý tài nguyên, là khối lượng sẽ được hoàn trả một khi đã được làm-sạch.

Trong nhiều quốc gia quyền hạn đối với các

tài nguyên được phi tập trung hóa ít nhất một phần xuống cấp thấp hơn của chính phủ. Điều này có thể làm phát sinh những vấn đề phối hợp thuế giữa các cấp khác nhau của chính phủ cũng như cho các năng lực tài chính khác nhau giữa các cấp thấp hơn của chính phủ.

Nhiều công ty vận hành trong các quốc gia kém phát triển là các công ty nước ngoài. Điều này làm phát sinh nhiều vấn đề khác nhau. Đối với một quốc gia nào đó, các biện pháp thuế xác định có thể được ưa thích hơn các biện pháp khác ở một phạm vi mà tín dụng thuế nước ngoài được tạo điều kiện thuận lợi. Việc sử dụng hệ thống thuế thu nhập chứ không phải các sắp đặt vốn cổ phần tự do hoặc chia sẻ sản lượng có thể có thuộc tính đó. Cũng như thế, khả năng của các công ty nước ngoài trong việc dịch chuyển lợi nhuận thông qua định giá chuyển khoản và các công cụ khác sẽ giới hạn phạm vi mà trong đó một số kiểu thuế đánh vào tô kinh tế tài nguyên sẽ là hiệu quả. Điều này có thể giúp cho cần phải tính tới sử dụng ngày càng gia tăng các biện pháp khác như tiền thuê tài nguyên, tham gia vào vốn cổ phần và thuê mướn quyền sở hữu.

Các chính phủ của các quốc gia đang phát triển ngày càng có ý thức về mong muốn đánh các loại thuế vào tô kinh tế phát sinh từ các tài nguyên thiên nhiên bên trong biên giới của họ. Đồng thời, các quốc gia này cũng cho thấy sự phức tạp ngày càng gia tăng trong việc biến đổi các công cụ tài chính thô được sử dụng một cách truyền thống cho mục đích này để làm giảm các chi phí hiệu quả phát sinh từ việc sử dụng các loại thuế tô kinh tế không hoàn hảo lẫn làm tăng tỷ phần của tô kinh tế mà họ có khả năng gán với các mục đích xã hội. Bây giờ đã đến lúc cần phải làm tinh tế những loại thuế vẫn còn rất thô như tiền thuê tài nguyên, và các loại thuế xuất khẩu bằng cách thay thế chúng với các dạng đơn giản hơn của các loại thuế đánh vào tô kinh tế thuần túy.

Tài liệu tham khảo

1. Joseph E. Stiglitz. Kinh tế học công cộng. Nxb Khoa học Kỹ thuật – Trường Đại học Kinh tế Quốc dân. 1995

2. Tom Tietenberg. Environmental and Natural Resources Economics. Pearson Education, Inc. 2006.

3. John Leach. A Course in Public Economics. Cambridge University Press. 2004.

Abstract

ANALYSIS ABOUT NATURAL RESOURCES TAXATION

Natural Resources Taxation, as a part of tax system, has been one of the intervention instruments of the Government to increase revenues and improve disparity of the Society. It especially has great significance in the recent economic context of our country, which has an developing economic system with many challenges but many opportunities. The authors have studied economic rents concept in natural resources uses and in this base they have analysed various advantages of natural resources taxation in order to meet the resonable criteria of the natural resources industries. Relying on this base, the article has susgested necessary implications for designing and improving taxation system imposed upon economic rent in natural resources uses to ensure natural resources allocation efficiencies and to improve various social disaprities.